

Bản án số: 50/2024/DS-ST
Ngày: 20-8-2024
V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự
góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Huệ

Bà Phạm Thanh Tuyền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp Hợp đồng dân sự góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Võ Cẩm N, sinh năm 1976 (vắng mặt) và ông Trần Văn N1, sinh năm 1976 (vắng mặt). Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11-12-2023 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày và yêu cầu:

Bà T có mở các dây hụi và làm chủ, khoảng năm 2015 hoặc 2016 bà N và ông N1 có tham gia góp hụi đối với các dây hụi tháng 2.000.000 đồng, 3.000.000 đồng và 5.000.000 đồng, do thời gian đã lâu nên bà T không nhớ cụ thể. Sau đó bà N và ông N1 đã hốt hết các dây hụi và bà T đã giao tiền cho bà N và ông N1 nhận đầy đủ. Đến năm 2019 bà T và vợ chồng bà N, ông N1 tính toán

lại tổng số tiền hụi mà bà N và ông N1 còn nợ là 109.000.000 đồng, mỗi tháng bà N và ông N1 trả cho 2.000.000 đồng/tháng, trả cho đến khi hết số tiền còn nợ. Tuy nhiên, bà N và ông N1 trả cho bà T được một thời gian thì không trả nữa, đến ngày 26/12/2021 bà N làm biên nhận còn nợ bà T 73.000.000 đồng, sau đó gửi trả cho được 3.000.000 đồng, còn lại 70.000.000 đồng đến nay không trả.

Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Cẩm N, ông Trần Văn N1 trả số tiền hụi còn nợ là 70.000.000 đồng, yêu cầu trả đủ 01 lần trong thời gian 02 tháng kể từ ngày hôm nay.

Bị đơn ông Trần Văn N1 trình bày như sau: Vợ chồng ông N1 có tham gia góp hụi do bà T làm chủ, các dây hụi đã tham gia ông N1 đã lĩnh hụi toàn bộ. Sau đó hai bên có tính toán số tiền vợ chồng ông N1 còn nợ bà T là đúng như ý kiến của bà T trình bày. Nay vợ chồng ông N1 đồng ý trả cho bà T số tiền hụi còn nợ là 70.000.000 đồng. Tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả dần 2.000.000 đồng/tháng, khi nào ông N1 chuyển nhượng được phần đất thì sẽ trả đủ cho bà T 01 lần số tiền còn nợ.

Bị đơn bà Võ Cẩm N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn thì từ khi thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn bà N, ông N1 không có mặt nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà T, buộc bị đơn trả số tiền 70.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi đã lĩnh nhưng không góp hụi. Do đó, quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn là tranh chấp về Hợp đồng dân sự góp hụi.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà N không thực hiện việc trình bày, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình và không có mặt theo thời gian ấn định trong các văn bản tố tụng. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn bà N và ông N1 vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, lý do khách

quan. Việc bị đơn bà **N**, ông **N1** không có mặt vừa vi phạm nghĩa vụ tố tụng vừa không thực hiện được quyền và nghĩa vụ tranh tụng tại phiên tòa. HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà **N**, ông **N1**.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn bà **T** trình bày được bị đơn ông **N1** thừa nhận nội dung: Bà **T** có mở các dây hụi và làm chủ, khoảng năm 2015 hoặc 2016 bà **N**, ông **N1** có tham gia góp hụi đối với các dây hụi tháng 2.000.000 đồng, 3.000.000 đồng và 5.000.000 đồng; sau đó bà **N**, ông **N1** đã hốt hết các dây hụi và có góp hụi một thời gian. Ngày 26/12/2021 bà **N** làm biên nhận còn nợ bà **T** 73.000.000 đồng, sau đó gửi trả cho được 3.000.000 đồng, còn lại 70.000.000 đồng đến nay không trả. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó nguyên đơn không phải chứng minh việc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền hụi còn nợ 70.000.000 đồng.

[4] Bị đơn ông **N1** đồng ý trả số tiền còn nợ 70.000.000 đồng như yêu cầu của nguyên đơn bà **T**. Tuy nhiên, các bên không thỏa thuận được phương thức trả nợ do phía bị đơn xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ, phía nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần. Vì vậy, HĐXX không có căn cứ công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Ông **N1**, bà **N** là hụi viên đã hốt hụi nhưng không đóng hụi chết là vi phạm nghĩa vụ của hụi viên theo Điều 16 Nghị định số **19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019** của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường và Điều 471 Bộ luật Dân sự nên phát sinh nghĩa vụ trả tiền. Số tiền lĩnh hụi được ông **N1**, bà **N** dùng chung cho gia đình. Do đó, HĐXX buộc bà **N**, ông **N1** cùng trả cho bà **T** 70.000.000 đồng tiền hụi còn nợ.

[6] Về án phí: Bị đơn bà **N**, ông **N1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả tiền là $70.000.000đ \times 5\% = 3.500.000đ$. Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự và Điều 19 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1- Buộc ông **Trần Văn N1** và bà **Võ Cẩm N** trả cho bà **Nguyễn Thị T** số tiền hui còn nợ là 70.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà **T** cho đến khi thi hành án xong, bà **N**, ông **N1** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

2- Về án phí: Bị đơn bà **Võ Cẩm N** và ông **Trần Văn N1** cùng chịu 3.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà **Nguyễn Thị T** số tiền tạm ứng án phí 1.750.000đ nộp tại biên lai thu số 0005124 ngày 11-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

3- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 20-8-2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;

- Các đương sự;

- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công

Lê Chí Công